THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: May 25, 2024

KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM HỌC 2023-2024

Results for Academic year 2023-2024

Lớp: 7/10
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Nguyễn Ngọc Quang Anh	6.5	6.8	6.3	9.6	7.7	9.1	6.1	5.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
2	Nguyễn Thị Bảo Châu	7.3	7.9	7.7	9.7	9.4	8.4	6.8	8.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
3	Nguyễn Quỳnh Chi	6.0	7.0	6.3	8.8	8.2	7.0	6.0	6.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
4	Trần Ngọc Thái Hà	8.3	8.9	8.6	10.0	9.6	9.3	9.3	8.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Nguyễn Diệp Thanh Hà	9.4	8.9	9.7	9.9	9.8	9.9	9.0	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
6	Võ Ngọc Thảo Lam	6.3	7.7	7.2	9.3	8.8	7.9	7.0	6.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
7	Võ Tường Minh	6.2	7.0	9.3	9.4	9.2	9.0	7.2	6.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
8	Lê Hà My	8.3	8.5	8.4	9.6	9.7	8.5	8.0	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Đặng Minh Phúc	7.3	7.3	9.2	9.0	8.8	9.0	7.7	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
10	Lê Trường Phúc	7.5	6.3	9.5	9.4	8.7	9.2	6.7	8.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
11	Bùi Phạm Bảo Quân	7.8	6.9	9.3	9.4	8.8	8.7	6.8	7.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
12	Thân Trọng Quý	6.8	7.3	8.8	9.6	8.5	8.2	7.4	8.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
13	Nguyễn Văn Pha Thăng	7.5	6.6	9.1	7.9	7.4	7.6	6.7	5.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
14	Tạ Hà Anh Thư	9.6	8.4	9.4	9.7	9.6	9.8	9.0	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
15	Hà Triệu Anh Thư	6.8	8.8	8.2	9.9	9.1	9.0	7.5	7.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
16	Võ Đức Trí	8.2	7.7	9.7	9.8	8.9	9.3	7.5	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
17	Đỗ Minh Vy	6.5	6.5	7.4	9.0	7.4	6.8	6.1	5.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
18	Văn Đoàn Thảo Vy	8.7	9.4	9.6	10.0	9.7	9.3	9.0	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*

Nguyễn Thị Hà Vy

GĐCTVN/*VP. Manager*

Đinh Huyền Trang

Kiểm tra/*Checked by*

Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: May 25, 2024

KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM HỌC 2023-2024

Results for Academic year 2023-2024

Lớp: 7/11
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Bùi Phạm Bảo An	9.1	8.1	9.8	9.7	9.4	9.1	8.7	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Đào Nam Anh	4.8	5.0	5.1	8.0	6.8	6.0	4.4	5.0	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Khá**
3	Lâm Quỳnh Anh	6.4	7.1	6.8	9.3	8.9	8.2	7.2	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
4	Huang Nguyễn Chí	4.4	5.8	6.2	8.5	6.7	7.0	5.4	5.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
5	Nguyễn Bảo Ngọc Diệp	5.7	6.4	7.8	8.7	7.8	7.1	6.6	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
6	Vũ Bảo Chi	7.1	8.9	9.1	9.3	9.7	8.3	8.2	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
7	Đặng Thái Huy	4.4	6.7	7.8	8.4	8.1	7.3	5.4	5.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
8	Nguyễn Khánh	8.0	8.0	8.6	9.2	9.5	9.4	8.9	7.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Bùi Phạm Hải Khôi	7.2	7.0	8.3	8.2	7.7	8.2	7.1	8.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
10	Trần Anh Khoa	5.8	6.3	6.6	9.3	8.1	6.4	5.7	6.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
11	Huỳnh Tuấn Minh	6.7	6.7	8.1	8.3	8.6	8.3	7.6	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
12	Trần Quang Minh	7.9	8.4	9.2	9.8	9.8	9.6	9.1	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
13	Mai Đức Minh	8.5	8.6	9.8	9.3	9.4	9.5	8.6	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
14	Vũ Trần Đình Phú	7.4	7.4	9.0	9.4	8.6	9.3	8.1	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
15	Phan Anh Quân	8.0	7.2	8.0	9.2	8.2	8.5	7.4	6.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
16	Võ Anh Thư	7.7	8.6	9.7	9.3	9.4	7.8	8.4	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
17	Nguyễn Văn Nhật Trung	9.6	8.0	9.6	9.6	9.2	9.2	8.2	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
18	Đào Lê Phương Chi	6.8	8.2	8.0	9.3	9.1	8.1	7.6	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*

Đào Thị Thu Hà

GĐCTVN/*VP. Manager*

Đinh Huyền Trang

Kiểm tra/*Checked by*

Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: May 25, 2024

KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM HỌC 2023-2024

Results for Academic year 2023-2024

Lớp: 7/8
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Molleti Nakhraj Nam Anh	5.6	7.4	8.0	9.4	9.2	6.9	6.9	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Khá	Tốt
2	Phí Nhật Minh Anh	8.2	8.6	9.5	9.3	9.8	9.4	8.5	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Tốt	Tốt
3	Phạm Gia Huy	6.3	7.0	8.6	9.3	8.9	8.6	7.3	7.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Khá	Tốt
4	Ngô Bảo Khánh	6.6	6.9	8.0	8.9	8.6	8.0	7.2	7.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Khá	Tốt
5	Nguyễn Ngọc Khánh	7.6	8.7	9.8	9.7	9.1	8.7	8.5	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Tốt	Tốt
6	Trần Nguyễn Minh Khôi	4.6	7.2	6.1	9.4	8.8	7.7	6.3	7.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Tốt
7	Trần Phương Linh	7.3	8.2	9.6	9.5	9.6	8.6	8.4	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Tốt	Tốt
8	Lê Khánh Linh	6.8	8.6	9.0	9.4	9.6	8.0	7.7	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Tốt	Tốt
9	Nguyễn Tấn Minh	7.4	8.5	9.5	9.6	9.8	9.3	8.8	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Tốt	Tốt
10	Phan Nhật Minh	5.7	7.1	6.8	8.7	8.7	8.1	6.8	7.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Khá	Tốt
11	Trần Cát Minh	6.7	7.0	8.0	8.7	8.0	8.5	7.0	7.0	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Khá	Tốt
12	Đinh Hồng Minh	8.9	7.9	8.1	9.5	8.9	8.2	7.5	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Tốt	Tốt
13	Nguyễn Thụy Bình Minh	7.1	8.2	8.3	9.6	9.8	9.0	8.4	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Tốt	Tốt
14	Lê Trần Đông Nghi	8.3	8.0	9.7	9.5	9.8	8.7	8.4	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Tốt	Tốt
15	Nguyễn Vũ Minh Ngọc	7.7	8.1	9.0	9.7	9.5	9.0	8.6	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Tốt	Tốt
16	Vũ Hồ Bảo Ngọc	6.5	6.2	9.1	8.8	8.6	6.7	7.7	6.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Khá	Tốt
17	Nguyễn Khôi Nguyên	7.6	7.6	9.3	9.7	9.6	8.6	8.7	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Tốt	Tốt
18	Trần Nhân Trí	8.5	7.3	8.0	9.4	8.7	9.1	7.2	7.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Khá	Tốt
19	Nguyễn Phạm Quốc Tuấn	8.3	8.1	9.4	9.3	9.5	9.6	9.1	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Tốt	Tốt
20	Đỗ Thanh Tùng	9.2	7.2	9.4	9.2	9.0	9.0	7.6	7.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Khá	Tốt
21	Đặng Hà Vy	6.2	7.7	9.6	9.3	9.5	9.2	7.2	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Khá	Tốt

GVCN/*Class Teacher*

GĐCTVN/*VP. Manager*

Kiểm tra/*Checked by*

Nguyễn Thị Kim Trang

Đinh Huyền Trang

Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: May 25, 2024

KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM HỌC 2023-2024

Results for Academic year 2023-2024

Lớp: 7/9
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Nguyễn Khánh An	7.5	8.7	8.4	9.7	9.6	9.3	9.1	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Đặng Ngọc Anh	7.2	8.0	7.5	9.8	9.3	8.7	8.4	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
3	Phạm Hồ Quỳnh Anh	6.5	7.8	8.0	9.4	9.4	8.7	8.3	8.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
4	Vũ Đình Minh Đăng	7.5	7.3	8.8	9.3	9.3	8.1	8.8	8.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Trần Tuấn Hưng	8.5	7.0	7.0	9.7	8.6	8.8	8.7	8.0	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
6	Đỗ Duy Khang	7.0	8.1	8.7	9.6	9.5	9.8	8.7	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
7	Trần Phúc Khang	8.7	9.2	9.6	9.6	9.8	9.7	9.6	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Lê Quốc Gia Khang	7.2	7.4	8.1	9.8	9.3	8.9	8.6	8.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Nguyễn Bảo Khanh	9.2	9.6	9.8	10.0	9.9	10.0	9.6	9.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
10	Trương Tuấn Kiệt	5.5	6.5	6.2	9.0	8.4	7.1	6.9	7.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
11	Phan Thuỳ Lâm	7.0	8.0	8.7	9.5	9.3	8.8	7.9	8.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
12	Nguyễn Phước Khải Minh	9.8	8.5	9.8	9.7	9.5	9.6	9.5	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
13	Nguyễn Lê Bảo Nam	8.5	7.7	9.3	9.3	9.1	9.1	9.0	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
14	Nguyễn Nam Phương	7.2	8.3	8.6	9.7	9.8	8.3	8.7	9.0	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
15	Hồ Xuân Trường	8.0	8.2	9.3	9.7	9.7	9.4	9.3	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
16	Nguyễn Minh Tuyết	5.8	7.7	6.1	9.5	9.4	7.4	7.9	8.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*

Nguyễn Thị Hường

GĐCTVN/*VP. Manager*

Đinh Huyền Trang

Kiểm tra/*Checked by*

Văn Thị Thiên Hà